TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số : 04/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 06/9/2017
V/v "Xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thọ Toàn
2. Bà Ca Dá Thị Lính

Thư ký phiên tòa: Ông Sầm A tắc – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện X.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Ông Tạ Yên Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Tòa án huyện X, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị KaDá Thị Q– Sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã PĐ, huyện X, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H– Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Ninh Thuận (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Chamaléa T– Sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn Z, xã PC, huyện X, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã PĐ, huyện X, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, chị KaDá Thị Qtrình bày: Q và anh Chamaléa T lấy nhau vào năm 2005, đến ngày 29/11/2009, hai người đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã PĐ làm giấy đăng ký kết hôn, trong cuộc sống gia đình vợ, chồng sống với nhau không được hòa thuận,

thường xuyên xảy mâu thuẫn do tính tình không hợp. Hiện nay hai người đã sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có, vì vậy Qlàm đơn đến Tòa án xin giải quyết được ly hôn với anh Chamaléa T.

- Về nuôi con chung: Hai người có với nhau 03 người con chung là Ka Dá Biển – Sinh ngày 02/6/2007, KaDá C– Sinh 16/3/2011 và KaDá V– Sinh ngày 22/3/2013, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị Quyết. Khi Tòa án giải quyết việc ly hôn Qxin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh Chamaléa T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung gồm có:

+ 01 căn nhà xây lợp tôn khoảng 24 m^2 theo chương trình 167, ở thôn S, xã PĐ, huyện X.

+ 01 thửa đất ruộng khoảng 2500 m^2 , ở thôn S, xã PĐ và 02 con bò cái.

+ Nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Thuận – Phòng giao dịch huyện X số tiền 56.000.000 *(Năm mươi sáu triệu)* đồng chị KaDá Thị Qđồng ý trả nợ khi Ngân hàng huyện có yêu cầu. Ngày 20/6/2017 Tòa án huyện X nhận được công văn số 151/CV-NHCS ngày 16/6/2017 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện X không yêu cầu Qphải trả khoản tiền nợ trong vụ án này, vì chưa đến hạn trả nợ.

Phần tài sản chung: Qkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện X đã nhiều lần gửi giấy báo triệu tập anh Chamaléa T đến Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn với chị Quyết, nhưng anh T không đến Tòa án. Biên bản xác minh ngày 28/6/2017 và ngày 20/7/2017, tại UBND xã PĐ cho thấy hiện nay anh T vẫn làm ăn có mặt tại địa phương, vì vậy từ ngày 21/6/2017 đến ngày 11/7/2017 Tòa án huyện X đã kết hợp với chính quyền địa phương xã PĐ và xã PC nhiều lần cho niêm yết giấy báo nơi anh T sinh sống để anh T biết đến Toà án giải quyết vụ việc, nhưng anh T vẫn không chấp hành cố tình vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án là đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị KaDá Thị Qkể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Bị đơn anh Chamaléa T không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không chấp hành các quyết định của Tòa án, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS để xét xử vắng mặt anh T là có sơ sở.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, chị KaDá Thị Qvà anh Chamaléa T hiện đang làm ăn sinh sống tại thôn S, xã PĐ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị KaDá Thị Qvà các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Qvà anh Chamaléa T lấy nhau vào năm 2005, đến ngày 29/11/2009 hai người đến UBND xã PĐ làm giấy đăng ký kết hôn. Đến nay Qcó yêu cầu ly hôn thì được giải quyết theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Qvà anh T có 03 người con chung là KaDá B– Sinh ngày 02/6/2007, KaDá C– Sinh 16/3/2011 và KaDá V– Sinh ngày 22/3/2013, hiện nay các cháu đang ở với chị Quyết. Nếu giải quyết việc ly hôn Qxin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh Chamaléa T phải cấp dưỡng nuôi con, sự tự nguyện nuôi con của Qlà phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về phần tài sản chung: Chị KaDá Thị Qkhông yêu cầu Tòa án phải giải quyết nên không xét đến.

Đối khoản tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Thuận – Phòng giao dịch huyện X số tiền 56.000.000 *(Năm mươi sáu triệu)* đồng, chị KaDá Thị Qđồng ý trả nợ số tiền này khi Ngân hàng có yêu cầu. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án huyện X nhân được công văn số 151/CV-NHCS ngày 16/6/2017 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện X không yêu cầu Qphải trả khoản tiền nợ trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

Bà Đỗ Thị H là người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Qcũng đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X (VKSND), đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho Qđược ly hôn với anh Chamaléa T, đồng thời giao các cháu KaDá Biển, KaDá Cvà KaDá Vcho Qđược trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị Quyết. Đối với các vấn đề khác Qkhông yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Ka Dá Thị Quyết là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngày 13/6/2017 Qlàm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 13/6/207 Tòa án nhân dân huyện X đã có thông báo miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị KaDá Thị Quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 05/6/2017 Qlàm đơn đến Tòa án huyện X yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với anh Chamaléa T nên áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS để thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Chamaléa T không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án cố tình vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị KaDá Thị Qvà anh Chamaléa T lấy nhau vào năm 2005, đến ngày 29/11/2009, hai người đến UBND xã PĐ làm giấy đăng ký kết hôn, trong cuộc sống gia đình Qvà anh T sống với nhau không được hòa thuận, thường xuyên xảy mâu thuẫn do tính tình không hợp, hiện nay hai người đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm giữa hai người không còn, hạnh phúc gia đình không có và Qcó yêu cầu xin ly hôn. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho Qđược ly hôn với anh T.

2.2 Về nuôi con chung: Các cháu KaDá B– Sinh ngày 02/6/2007, KaDá C– Sinh 16/3/2011 và KaDá V– Sinh ngày 22/3/2013 là con chung của Qvà anh T đang ở cùng với chị Quyết. Khi giải quyết việc ly hôn Qxin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi, sự tự nguyện nuôi con của Qlà phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.3 Về phần tài sản chung: Chị KaDá Thị Qkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

2.4 Đối với khoản tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Ninh Thuận – Phòng giao dịch huyện X số tiền 56.000.000 *(Năm mươi sáu triệu)* đồng. Ngày 20/6/2017 Tòa án huyện X nhân được công văn số 151/CV-NHCS ngày 16/6/2017 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện X không yêu cầu Qphải trả khoản tiền nợ trong vụ án này nên không đề cập đến.

Tại phiên tòa bà Đỗ Thị H là người bảo vệ quyền lợi ích hợp của Qvà đại diện VKSND huyện X đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho Qđược ly hôn với anh T, đồng thời giao các cháu KaDá Biển, KaDá Cvà KaDá Vcho Qđược trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo yêu cầu của Qlà phù hợp.

[3] Về án phí: Qlà người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngày 13/6/2017 Qlàm đơn xin miễn nộp tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 13/6/207 Tòa án nhân dân huyện X đã có thông báo miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị KaDá Thị Qđược ly hôn với anh Chamaléa T.

- Về nuôi con chung: Giao cháu KaDá B– Sinh ngày 02/6/2007, KaDá C– Sinh 16/3/2011 và KaDá V– Sinh ngày 22/3/2013 cho chị KaDá Thị Qđược trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Chamaléa T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc đi lại thăm nom chăm sóc con chung.

- Về án phí: Miễn toàn bộ khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị KaDá Thị Q.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND, THADS huyện;
-Các đương sự;
- UBND xã PĐ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thiện